

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ PTA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ PTA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PTA INTERNATIONAL TRADING AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PTA INTERNATIONAL., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109582557

3. Ngày thành lập: 05/04/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

B33 ô 20- Khu đô thị Gelemximco, đường Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936088199

Fax:

Email: nphuongpta@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810(Chính)
2.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất	6820
3.	Xây dựng nhà để ở	4101
4.	Xây dựng nhà không để ở	4102
5.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
6.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
8.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
9.	Xây dựng công trình thủy	4291
10.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
11.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
13.	Phá dỡ	4311
14.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
16.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
17.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
18.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
19.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

20.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
21.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
22.	Bán buôn thực phẩm	4632
23.	Bán buôn đồ uống	4633
24.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
25.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
26.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
27.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
28.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
29.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
30.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
31.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
32.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
33.	Bán buôn tổng hợp	4690
34.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
35.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
36.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
37.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
38.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
39.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
40.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
41.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
42.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
43.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
44.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
45.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
46.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
47.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
48.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
49.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

50.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
51.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
52.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
53.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
54.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
55.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
56.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
57.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
58.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
59.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
60.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
61.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
62.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
63.	Đại lý du lịch	7911
64.	Điều hành tua du lịch	7912
65.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
66.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
67.	Cơ sở lưu trú khác	5590
68.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
69.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
70.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
71.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
72.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
73.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
74.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
75.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
76.	Cho thuê xe có động cơ	7710
77.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
78.	Trồng cây hàng năm khác	0119
79.	Trồng cây ăn quả	0121
80.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
81.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128

82.	Trồng cây lâu năm khác	0129
83.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
84.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
85.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
86.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
87.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
88.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
89.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
90.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
91.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
92.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
93.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
94.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
95.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
96.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
97.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
98.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
99.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
100.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
101.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
102.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
103.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
104.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
105.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
106.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
107.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
108.	In ấn	1811
109.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
110.	Sao chép bản ghi các loại	1820
111.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
112.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
113.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
114.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
115.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
116.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
117.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
118.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700

119.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
120.	Thu gom rác thải độc hại	3812
121.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
122.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
123.	Tái chế phế liệu	3830
124.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
125.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
126.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
127.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
128.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
129.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
130.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
131.	Xuất bản các danh mục chỉ dẫn và địa chỉ	5812
132.	Xuất bản phần mềm	5820
133.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
134.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
135.	Hoạt động viễn thông vệ tinh	6130
136.	Lập trình máy vi tính	6201
137.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
138.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
139.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
140.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
141.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
142.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
143.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
144.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
145.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
146.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
147.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
148.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
149.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
150.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490

151.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
152.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
153.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
154.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
155.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
156.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
157.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
158.	Dịch vụ đóng gói	8292
159.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
160.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
161.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700

6. Vốn điều lệ: 2.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN NHUẬN	Số 5, đường Lý Thái Tổ, phố Thúy Sơn, Phường Thanh Bình, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.200	52.000.000	2,000	164516704	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	5.200	52.000.000	2,000		

2	NGUYỄN NAM PHƯƠNG	Phòng 2108 ĐN 2, Tòa Hanoi Centerpoint, số 27 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	228.800	2.288.000.000	88,000	013236236
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	228.800	2.288.000.000	88,000	
3	NGUYỄN THỊ THANH	Phòng 2108 ĐN 2, Tòa Hanoi Centerpoint, số 27 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	26.000	260.000.000	10,000	0371790000 11
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	26.000	260.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN NAM PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 07/06/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013236236

Ngày cấp: 20/11/2010

Nơi cấp: Công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phòng 2108 ĐN 2, Tòa Hanoi Centerpoint, số 27 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 2108 ĐN 2, Tòa Hanoi Centerpoint, số 27 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội